ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA
GIAI ĐOẠN 2011-2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025

THANH HÓA, 2011

MỤC LỤC

Phần 1. MỞ ĐẦU 2
1.1.Giới thiệu chung về Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa 2
1.2. Mục tiêu và ý nghĩa của việc xây dựng Chiến lược phát triển 3
1.3.Căn cứ xây dựng chiến lược phát triển 3
Phần 2 4
BỐI CẢNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ THỰC TRẠNG 4
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH 4
THANH HÓA TỪ NĂM 2006 ĐẾN 2011 4
2.1.Bối cảnh giáo dục Thế giới và Việt Nam 4
2.1.1.Giáo dục thế giới thế kỷ XXI 4
2.1.2.Giáo dục đại học Việt Nam trong giai đoạn mới 4
2.1.3.Giáo dục đại học Thanh Hóa và vị trí, vai trò của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. 5
2.2.Cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của Trường 7
2.2.1. Cơ hội 7
2.2.2. Thách thức 7
2.3.Thực trạng của Trường từ năm 2006 đến năm 2011 8
2.3.1.Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ 8
2.3.2. Về đào tạo 9
2.3.3.Về công tác Nghiên cứu khoa học 11
2.3.4.Về cơ sở vật chất kỹ thuật 12
2.3.5.Về nguồn lực tài chính 13
2.3.6.Về công tác quản lý - điều hành 13
Phần 3 14
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020 14
VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025 14
3.1.Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi 14
3.2.Chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2020 15
3.2.1.Hoàn thiện bộ máy quản lý 15
3.2.2.Chiến lược phát triển nguồn nhân lực 16
3.2.3.Chiến lược phát triển đào tạo 17
3.2.5.Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế 21
3.2.6.Chiến lược phát triển về tài chính, cơ sở vật chất ..... **Error! Bookmark not defined.**
3.2.8.Các chương trình, đề án trọng tâm 24
Phần 4 24
TỔ CHỨC THỰC HIỆN 24

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2011 - 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 265 /QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 11 năm 2011)

Phần 1. MỞ ĐẦU

1.1.Giới thiệu chung về Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

- Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA
- Tên tiếng Anh: Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism
- Tên viết tắt của Trường
  Tiếng Việt: ĐVTDT
  Tiếng Anh: TUCST
- Địa chỉ Trường: Số 20, phố Nguyễn Du, Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Thông tin liên hệ:
  Điện thoại: 0373.857.421; 0373.852.535
  Email: đhvhttdlth@dvtdt.edu.vn
  Website: http://www.dvtdt.edu.vn
- Giới thiệu khái quát về Trường

Năm 1967, Trường Văn hóa Nghệ thuật (VHNT) Thanh Hóa được thành lập. Với sự nỗ lực phấn đấu của Trường và dựa trên nhu cầu phát triển của địa phương, khu vực, ngày 22/7/2011, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1221/QĐ-TTg thành lập trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hoa (VH,TT&DL) trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng VHNT Thanh Hóa.

Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa là trường đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, chịu sự quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa và quản lý chuyên môn của Bộ Giáo dục & Đào tạo (GD&ĐT). Trường có chức năng đào tạo các lĩnh vực Văn hóa-Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch trình độ Cao đẳng, Đại học và Sau Đại học. Phạm vi đào tạo gồm tỉnh Thanh Hóa, khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ và cả nước. Phương châm giáo dục của Trường là: Lấy chất lượng, thành công của người học, tín nhiệm của xã hội làm thước đo phát triển.

Để thực hiện được mục tiêu, Trường tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm: Xây dựng hồ sơ xin mở ngành đại học; phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên; thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH), ứng dụng kết quả NCKH vào thực tiễn; mở rộng hợp tác quốc tế (HTQT) với nhiều cơ sở đào tạo trong

khu vực và trên thế giới; đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng khang trang, hiện đại, đáp ứng tốt nhất nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của CBGV, HSSV.

Hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Trường đã có nhiều thành tích trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực Văn hóa - Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch cho tỉnh Thanh Hóa và cả nước, được các cơ quan chủ quản, các đơn vị sử dụng lao động, xã hội đánh giá cao.

Tuy nhiên, trong giai đoạn phát triển mới của đất nước nói chung và giáo dục đại học Việt Nam đang bước sang giai đoạn mới, đặc biệt để Trường có thể hội nhập nhanh, vững chắc vào hệ thống giáo dục đại học thì cần phải xây dựng chiến lược phát triển phù hợp, đưa Trường trở thành một cơ sở đào tạo đại học uy tín trong tương lai, đáp ứng tốt nhất yêu cầu người học và xã hội. Việc xây dựng chiến lược phát triển Trường sẽ định hướng cho Trường phát triển theo từng giai đoạn cụ thể và mỗi giai đoạn sẽ xác định các điều kiện cần thiết để phục vụ cho quá trình thực hiện.

1.2. Mục tiêu và ý nghĩa của việc xây dựng Chiến lược phát triển

Ngay từ khi được Chính phủ nâng cấp lên bậc Đại học, Trường đã nhận thức rõ về sứ mạng của mình gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) của tỉnh Thanh Hóa, khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ và cả nước. Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam đang đứng trước những thách thức và cơ hội quan trọng, Trường cần phải xác định tầm nhìn chiến lược đến năm 2025 và các giải pháp để phát huy những năng lực cốt lõi, khai thác, tận dụng những cơ hội, vượt qua thách thức cạnh tranh để hoàn thành sứ mạng của một trường Đại học uy tín trong đào tạo các lĩnh vực Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch của tỉnh Thanh Hóa, khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ và cả nước.

Chiến lược phát triển Trường được xây dựng hoàn toàn phù hợp Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVII; Chỉ thị 296/CT-TTg, Nghị quyết số 05-NQ/BCSĐ về đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2010-2012; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, Đảng bộ Trường, phù hợp với những quy định và văn bản chỉ đạo của các bộ, ngành, địa phương. Chiến lược phát triển Trường sẽ là văn bản mang giá trị đặc biệt quan trọng trong quá trình tổ chức, quản lý, xây dựng và phát triển Trường ở một tầm cao mới. Ngoài là văn bản định hướng, Chiến lược phát triển còn là cơ sở để tổ chức quản lý, điều hành và kiểm tra giám sát, đánh giá các kết quả, các chỉ tiêu phấn đấu của Trường trong từng giai đoạn cụ thể. Chiến lược có vai trò như một văn bản pháp lý quan trọng buộc các kế hoạch, định hướng của Trường phải tuân thủ sau khi được phê duyệt.

1.3.Căn cứ xây dựng chiến lược phát triển

Chiến lược phát triển Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa được xây dựng trên cơ sở những căn cứ sau:

- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X;
- Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVII nhiệm kỳ 2010-2015;
- Nghị quyết số 05-NQ/BCSĐ ngày 06/01/2010 của Ban cán sự Đảng về đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2010 - 2012;
- Chị thị 296/CT-TTg ngày 27/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2010 - 2012;
- Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;
- Nghị quyết số 14/2005/NĐ-CP ngày 02/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020.
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa nhiệm kỳ 2010-2015;

-Quyết định số 685/2007/QĐ-UBND ngày 02/03/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy cán bộ, công chức.

Phần 2
BỐI CẢNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ THỰC TRẠNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA TỪ NĂM 2006 ĐẾN 2011

2.1.Bối cảnh giáo dục Thế giới và Việt Nam

2.1.1.Giáo dục thế giới thế kỷ XXI

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật (KHKT) tiếp tục phát triển mạnh mẽ, xu thế thế giới là hướng tới xây dựng xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức, xã hội học tập thường xuyên và học tập suốt đời. Công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông được ứng dụng trên quy mô rộng lớn ở tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, đặc biệt trong giáo dục.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế vừa là quá trình hợp tác để phát triển vừa là quá trình đấu tranh. Đầu tư cho giáo dục từ chỗ được xem là phúc lợi xã hội đến nay được xem là đầu tư phát triển. Các trường đại học trên thế giới, trong khu vực và trong nước đã và đang đổi mới theo hướng đa ngành, đa dạng hóa trong đào tạo và quan hệ quốc tế, tự chủ, tự chịu trách nhiệm; đổi mới mạnh mẽ hình thức, nội dung chương trình và phương pháp đào tạo.

Giáo dục của thế kỷ XXI phải thực hiện được sứ mệnh "nhân văn hóa" tiến trình toàn cầu hóa. Những biến động sâu sắc về KTXH trên thế giới đã và đang đặt ra những yêu cầu khắt khe với giáo dục đại học về tăng cường hợp tác, liên kết và hội nhập. Giáo dục đại học đang đứng trước thử thách từ chỗ hoạt động độc lập, khép kín trong nước chuyển sang hướng không ngừng mở rộng hợp tác đào tạo với các cơ sở đào tạo uy tín của nước ngoài; cung cấp các khóa đào tạo cho sinh viên nước ngoài, các chương trình trao đổi giảng viên, chuyên gia và sinh viên, thỏa thuận về công nhận văn bằng, chứng chỉ tương đương, liên kết đào tạo chất lượng cao, hợp tác nghiên cứu khoa học (NCKH), thực hiện các chính sách hợp tác văn hóa khu vực và quốc tế.

2.1.2.Giáo dục đại học Việt Nam trong giai đoạn mới

❖ *Mục tiêu chung*

Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học, tạo được chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế và nhu cầu học tập của nhân dân. Đến năm 2020, giáo dục đại học Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao, thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

❖ *Mục tiêu cụ thể*

- Hoàn chỉnh mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc, có sự phân tầng về chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bảo đảm hợp lý cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền, phù hợp với chủ trương xã hội hoá giáo dục và quy hoạch tổng thể phát triển KTXH của cả nước và của các địa phương.

- Phát triển các chương trình giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp - ứng dụng. Bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình

trong toàn hệ thống. Xây dựng và hoàn thiện các giải pháp bảo đảm chất lượng và hệ thống kiểm định giáo dục đại học. Xây dựng một vài trường đại học đẳng cấp quốc tế.

- Mở rộng quy mô đào tạo, đạt tỷ lệ 200SV/1 vạn dân vào năm 2015 và 450SV/1 vạn dân vào năm 2020, trong đó khoảng 70 - 80% tổng số SV theo học các chương trình nghề nghiệp - ứng dụng vào khoảng 40% tổng số SV thuộc các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đại học đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến; bảo đảm tỷ lệ SV/giảng viên của hệ thống giáo dục đại học không quá 20. Đến năm 2015 có ít nhất 85% giảng viên đạt trình độ thạc sĩ và 15% đạt trình độ tiến sĩ; đến năm 2020, 100% giảng viên nhà trường có trình độ trên đại học, trong đó 80% giảng viên có trình độ thạc sĩ, 20 đạt trình độ tiến sĩ.

- Nâng cao rõ rệt quy mô và hiệu quả hoạt động KHCN trong các cơ sở giáo dục đại học. Các trường đại học lớn phải là các trung tâm NCKH mạnh của cả nước; nguồn thu từ các hoạt động KHCN, sản xuất và dịch vụ đạt tối thiểu 15% tổng nguồn thu của các cơ sở giáo dục đại học vào năm 2015 và 25% vào năm 2020.

- Hoàn thiện chính sách phát triển giáo dục đại học theo hướng bảo đảm quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của cơ sở giáo dục đại học, sự quản lý của Nhà nước và vai trò giám sát, đánh giá của xã hội đối với giáo dục đại học.

Những nhiệm vụ đổi mới của giáo dục đại học nước ta trong thời gian tới:

+ Đổi mới cơ cấu đào tạo và hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục đại học;

+ Đổi mới nội dung, phương pháp và quy trình đào tạo;

+ Đổi mới công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng giảng viên và cán bộ quản lý;

+ Đổi mới tổ chức triển khai các hoạt động KH&CN;

+ Đổi mới việc huy động nguồn lực và cơ chế tài chính;

+ Đổi mới cơ chế quản lý;

+ Về hội nhập quốc tế.

Mặc dù có những bước tăng trưởng đáng kể nhưng nền kinh tế nước ta vẫn là nền kinh tế có thu nhập thấp. Chỉ số về cơ sở hạ tầng, phát triển con người vẫn đang ở mức thấp so với nhiều nước trên thế giới. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Thể chế thị trường định hướng XHCN còn hạn chế, vướng mắc, và chưa đồng bộ. Hiệu lực quản lý nhà nước còn thấp trên nhiều lĩnh vực.

2.1.3.Giáo dục đại học Thanh Hóa và vị trí, vai trò của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực, tỉnh Thanh Hóa đã và đang triển khai xây dựng mạng lưới các trường ĐH, CĐ, TCCN và dạy nghề nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo ngày càng lớn của tỉnh và của đất nước. Theo dự kiến, mạng lưới sẽ gồm 5 trường đại học, 8 trường cao đẳng và các trường trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ CNH, HĐH của tỉnh, gắn đào tạo với nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ.

Huy động tối đa các nguồn lực để mở rộng mạng lưới và nâng cao năng lực, chất lượng của các cơ sở đào tạo; phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn phù hợp và cơ cấu hợp lý. Đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt

70% trở lên, đưa nhân lực trở thành một trong những lợi thế quan trọng của tỉnh. Tiếp tục mở rộng quy mô, đa dạng ngành nghề và hình thức đào tạo, gắn với nhu cầu xã hội và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực của tỉnh; ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Khu kinh tế và các khu công nghiệp; phát triển nhanh những ngành, lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, phấn đấu đến năm 2020 trình độ nhân lực của tỉnh đạt loại khá so với các tỉnh, thành trong cả nước.

Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa cùng với hệ thống giáo dục ở Thanh Hóa đã và đang vươn lên trở thành nhân tố quan trọng đáp ứng được các yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương nhằm góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, đồng thời vươn lên để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng ngày càng cao theo nhu cầu của khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ và cả nước với nhiệm vụ của một trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân và thuộc mạng lưới các trường đại học của đất nước.

Sự phát triển của Trường và khả năng hội nhập vào hệ thống giáo dục trong nước, khu vực, quốc tế hoàn toàn phụ thuộc vào việc xác định được mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, lựa chọn bước đi thích hợp và đặc biệt các giải pháp tích cực để nâng cao chất lượng đào tạo. Trong giai đoạn 2011-2020, Trường luôn xác định công tác đào tạo và NCKH là 2 nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quá trình phát triển đi lên. Ngày nay, ngoài hai nhiệm vụ trọng tâm Trường đã xác định công tác HTQT cũng là một nhiệm vụ quan trọng, là điều kiện để Trường vươn lên đạt được mục tiêu và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, trong chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2025 Trường tiếp tục xác định:

- Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy theo Điều lệ trường Đại học; các văn bản quy pháp pháp luật và thực tiễn phát triển của Trường.

- Mục tiêu đào tạo các ngành nghề là tạo nguồn nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, kỹ thuật và trình độ ngoại ngữ phục vụ các khu kinh tế, khu công nghiệp, dịch vụ và hội nhập quốc tế, phục vụ trực tiếp các chương trình KTXH của tỉnh, khu vực và cả nước.

- Trình xin Bộ GD&ĐT mở các mã ngành trình độ đại học, thạc sĩ.

- Đa dạng hóa các hình thức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học, cung cấp nguồn nhân lực cho địa phương, đất nước.

- Nội dung các chương trình đào tạo (CTĐT) lựa chọn xây dựng theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học.

- Lựa chọn, xây dựng một số ngành đào tạo đại học trọng điểm có thể hội nhập khu vực và quốc tế.

- Đầu tư xây dựng giai đoạn 1 tại số 561 Quang Trung, phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa; Thường xuyên bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng hiện đại, đảm bảo yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH.

Trong mạng lưới các trường làm nhiệm vụ giáo dục đại học, Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa giữ vai trò quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật, Thể thao, Du lịch phục vụ phát triển KTXH của địa phương, góp phần đáp ứng nhu cầu của xã hội. Do đó, Trường đang tìm các giải pháp điều chỉnh cơ cấu và quy mô, để tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội, tăng hiệu quả giáo dục, nhạy bén và thích ứng nhanh với những biến động của

nhu cầu nhân lực. Ngoài nhiệm vụ tự đào tạo, với vai trò là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, Trường cần vươn lên đảm nhận trách nhiệm liên kết với các trường đại học trong và ngoài nước để đào tạo các ngành, chuyên ngành và các trình độ mà Trường chưa tự đào tạo được, góp phần vào việc đáp ứng nhu cầu của xã hội. Đồng thời, phấn đấu trong hoạt động NCKH, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn một cách hiệu quả. Trường xác định vị trí tốp đầu trong đào tạo lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật, Thể thao, Du lịch trong mạng lưới các trường ĐH, CĐ, TCCN và dạy nghề ở Thanh Hóa, tham mưu hoạch định chính sách phát triển KTXH và là địa chỉ tin cậy trong hệ thống giáo dục của tỉnh.

2.2.Cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của Trường

2.2.1. Cơ hội

- Những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo được thể hiện rõ trong các Nghị quyết của Đảng. Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020. Mục tiêu phát triển nguồn nhân lực là một trong 5 mục tiêu được xác định cụ thể trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVII.

- Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), và nhiều tổ chức trong khu vực, trên thế giới, đây là cơ hội để Trường thúc đẩy hợp tác quốc tế về đào tạo, NCKH với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới, trên cơ sở đó tiếp thu kinh nghiệm quản trị đại học, CTĐT, phát triển đội ngũ... để đi tắt đón đầu trong phát triển Trường.

- Bộ GD&ĐT đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ thực hiện chủ trương đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam đến năm 2020.

- Đất nước đang trong thời kỳ phát triển về cơ cấu dân số, với 2/3 dân số trong độ tuổi lao động, trong đó có đến hơn 86% lực lượng chưa qua đào tạo nghề. Nhu cầu nhân lực lao động có trình độ cao nhằm đáp ứng sự phát triển KTXH của đất nước trong thời gian tới đang là cơ hội rất lớn để Trường phát triển.

- Ngoài một số chính sách chung, tỉnh Thanh Hóa ban hành một số chính sách riêng cho lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên của Trường, đồng thời giao cho Trường triển khai thực hiện một số đề án, dự án về đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh. Các chương trình kinh tế lớn của tỉnh trong giai đoạn 2011-2020 và các năm tiếp là tiền đề để Trường tích cực triển khai các chiến lược phát triển, nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh, vùng đất nước trong thời gian tới.

- Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa đóng trên địa bàn của một tỉnh giàu truyền thống lịch sử - văn hóa; dân số đông, cần cù, chịu khó và có truyền thống hiếu học, đa dạng về cơ cấu vùng miền.Trong quy hoạch khi nâng cấp lên đại học Trường có nhiệm vụ đào tạo nhân lực cho khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ - một khu vực quan trọng của đất nước và Thanh Hóa nằm ở trung tâm. Đây là cơ hội quan trọng để Trường tổ chức, triển khai đa dạng các hoạt động đào tạo, góp phần vào việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả tỉnh và khu vực.

2.2.2. Thách thức

- Xu thế toàn cầu hóa làm nảy sinh những thách thức lớn đối với giáo dục đại học Việt Nam nói chung các trường đại học nói riêng. Tất yếu có những cạnh tranh diễn ra, kéo theo các hiện tượng chảy máu chất xám và phai nhạt bản sắc dân tộc.

- Những chủ trương, chính sách phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước, trong đó có sự phát triển quy mô giáo dục đại học tạo nên thách thức về thế và lực của Trường trong hệ thống đa dạng hóa các trường đại học.

- Thanh Hóa vẫn là tỉnh còn nhiều khó khăn, ngân sách nhà nước hạn hẹp, khả năng đầu tư chiều sâu cho các trường đại học còn hạn chế đang là sức cản lớn đối với sự phát triển của Trường.

- Là trường đại học mới nâng cấp, số giảng viên đạt chuẩn dạy đại học còn thiếu so với quy định; hoạt động NCKH đang ở bước đầu; CBGV, SV hạn chế về ngoài ngữ; còn thiếu các dịch vụ đào tạo.

- Lộ trình triển khai thực hiện tự chủ trong các trường đại học đang đặt ra những thách thức cho Trường khi vừa phải đảm bảo chỉ tiêu, vừa phải đảm bảo chất lượng và hài hòa về kinh phí.

- Việc phân luồng trong học sinh THCS, THPT ngày càng mạnh mẽ; tình hình việc làm đối với SV lĩnh vực KHXH-NV ngày càng khó khăn cho các trường đại học mới nâng cấp, các trường tốp giữa trở xuống trong việc tuyển sinh, nhất là chất lượng tuyển sinh đầu vào, trong khi yêu cầu chất lượng, chuẩn đầu ra ngày càng cao.

- Trong nhiều năm qua, Bộ GD&ĐT thực hiện thí điểm đổi mới công tác thi THPT Quốc gia, đổi mới công tác tuyển sinh đặt ra cho các trường đại học không ít khó khăn, thách thức.

2.3.Thực trạng của Trường từ năm 2006 đến năm 2011

2.3.1.Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ

❖ *Về cơ cấu tổ chức của Trường*

Từ năm 2006 đến năm 2010, cơ cấu bộ máy tổ chức Trường cơ bản ổn định, sau khi được nâng cấp lên bậc đại học vào tháng 7/2011, Trường có sự điều chỉnh bước đầu cơ cấu bộ máy tổ chức cho phù hợp với quy định trong Điều lệ trường đại học gồm 3 cấp quản lý chính: Trường - Khoa - Bộ môn và các phòng, ban, trung tâm. Cơ cấu tổ chức của Trường hiện nay gồm:

1. Đảng ủy
2. Các đoàn thể: Công đoàn, Đoàn Thanh niên.
3. Ban Giám hiệu (01 Hiệu trưởng; 02 Phó Hiệu trưởng)
4. 06 khoa/ bộ môn tương đương: Nghiệp vụ Văn hóa; Nghiệp vụ Du lịch và Môn chung; Sư phạm Nghệ thuật; Âm nhạc; Mỹ thuật; Sân khấu).
5. 08 phòng, ban: Quản lý đào tạo; Quản lý NCKH và QHQT; Kiểm định chất lượng đào tạo; Tổ chức - Hành chính; Kế hoạch - Tài chính; Công tác HSSV; Quản trị Cơ sở vật chất; Ban Quản lý dự án xây dựng Trường.
6. 03 trung tâm: Trung tâm thư viện; Trung tâm đào tạo liên thông - liên kết; Trung tâm thực hành khách sạn nhà hàng - Tổ chức sự kiện.

❖ *Về đội ngũ cán bộ và giảng viên*

-Về chủ trương, Trường đã áp dụng ngay chính sách thu hút, đãi ngộ đối với những CBGV ngoài tỉnh, trong tỉnh có trình độ tiến sĩ về công tác tại trường. Đồng thời xây dựng đề án hỗ trợ kinh phí để đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ; giảng viên đủ điều kiện phong hàm GS, PGS giai đoạn 2011-2015, giúp cho Trường có được đội ngũ CBGV đảm bảo số lượng, chất lượng theo quy định, thực hiện tốt nhiệm vụ dạy - học, NCKH.

- Mời các GS, PGS, TS, các nhà khoa học đầu ngành trong nước giảng dạy các chuyên đề cho giảng viên và những học phần mới cho sinh viên, thông qua đó kết hợp đào tạo giảng viên của Trường, đặc biệt các ngành đặc thù: Thanh nhạc, Hội họa... và một số ngành dịch vụ: Quản trị Khách sạn, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành...

- Để đảm bảo về cơ cấu đội ngũ giảng viên,Trường đã tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận người có chuyên môn giỏi về trường làm GV. Trong đó, ưu tiên tuyển dụng cho các ngành học mới.

- Tính đến tháng 10/2011, Trường có 161 CBGV, trong đó: 124 CBGV cơ hữu, 37 CBGV hợp đồng; 120 cán bộ tham gia công tác giảng dạy, 70% GV có trình độ trên đại học

- Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: độ tuổi từ 30 > 40 chiếm 62.2%

- Có 05 CBGV đang học NCS dự kiến bảo vệ vào các năm 2013, 2014, tiếp tục gửi các CBGV tham gia dự tuyển NCS các ngành Trường có nhu cầu.

Đánh giá về đội ngũ:

- *Tích cực:* Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ từ năm 2006 đến năm 2011 được Trường đặt biệt quan tâm, cơ cấu GV có sự chuyển biến rõ nét, không chỉ tăng về số lượng mà chất lượng đội ngũ ngày càng có chuyên môn sâu. Số CBGV đăng ký học NCS trong nước, nước ngoài năm sau cao hơn năm trước. Phần lớn đội ngũ cán bộ Trường được rèn luyện, trưởng thành đều có phẩm chất đạo đức tốt, là nhân tố đảm bảo sự phát triển bền vững của Trường. Số lượng CBGV hiện nay bước đầu đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, quy mô người học hiện tại.

+ *Hạn chế:* Số CBGV không đồng đều ở các ngành đào tạo, dự báo thiếu nhiều ở các ngành học mới bậc đại học khi Trường xin cấp phép đào tạo trong những năm tới. Thiếu GV có trình độ cao các ngành đặc thù. Đội ngũ cán bộ quản lý phần lớn kiêm nhiệm, chưa qua đào tạo cơ bản về khoa học quản lý.

+ *Nhu cầu đổi mới:* Đẩy mạnh việc thu hút nhân lực có trình độ tiến sĩ về trường công tác.Tiếp tục cử CBGV tham gia học NCS ở các cơ sở đào tạo uy tín trong nước và nước ngoài. Quy hoạch đội ngũ cán bộ để có những bước phát triển nguồn lực hợp lý. Cơ chế chính sách cho việc đào tạo nguồn nhân lực cần được tỉnh quan tâm đầu tư, phấn đấu đạt tỷ lệ trung bình về trình độ GV có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ trong hệ thống giáo dục vào năm 2020.

2.3.2. Về đào tạo

Hoạt động đào tạo của Trường được thực hiện theo quy định và quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT, có sự vận dụng linh hoạt, phù hợp với trường có các lĩnh vực đặc thù; đa dạng hóa các loại hình đào tạo; phát triển năng lực người học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo con người toàn diện.

❖ *Mở ngành và mở rộng quy mô đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội*

Tính đến năm 2011, Trường có:

- 16 ngành Cao đẳng chính quy: Quản lý Văn hóa, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Việt Nam học, Khoa học Thư viện, Thư ký Văn phòng, Tiếng Anh, Thiết kế thời trang, Thanh nhạc, Nhạc cụ phương Tây, Nhạc cụ Truyền thống, Hội họa, Sáng tác âm nhạc, Diễn viên Sân khấu kịch hát, Diễn viên điện ảnh, Đạo diễn sân khấu;

- 02 ngành THSP: THSP Âm nhạc, THSP Mỹ thuật;

- 05 ngành bậc TCNK: Thanh nhạc, Nhạc cụ phương Tây, Nhạc cụ Truyền thống, Hội họa, Sân khấu.

- 04 ngành liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng: Quản lý Văn hóa; Việt Nam học; Sư phạm Âm nhạc; Sư phạm Mỹ thuật.

Các ngành học trên cơ bản ổn định đến năm 2011 khi Trường được nâng cấp lên bậc đại học.

❖ *Quy mô học sinh, sinh viên*

- Quy mô tuyển sinh của Trường ở các bậc học, ngành học, hình thức đào tạo không ngừng tăng lên hàng năm. Trung bình các năm học duy trì từ 2.500-3.000 HSSV ở tất cả các bậc, ngành đào tạo. Từ năm 2006 đến 2011, số lượng HSSV các năm lần lượt [xem bảng][1].

Năm học	*Tổng số HSSV các hệ/ ngành*	*Tổng số lớp*	*Hệ chính quy*		*Không chính quy*		*Bồi dưỡng ngắn hạn*	
			Số lớp	*Số HSSV*	*Số lớp*	*Số HSSV*	*Số lớp*	*Số HSSV*
2006-2007	2.241	58	41	1.202	17	769	02	270
2007- 2008	2.400	60	43	1.400	17	800	03	200
2008-2009	2.650	62	46	1.600	18	850	02	200
2009-2010	3.100	65	50	1.850	16	750	08	500
2010 -2011	3.000	63	49	1.800	14	1.000	02	200

-Trường tích cực mở rộng hình thức đào tạo liên kết, liên thông. Từ mô hình đào tạo liên kết bậc đại học trước đây, Trường nghiên cứu phương án đổi mới trong đào tạo liên kết theo mục tiêu:

+ Lựa chọn liên kết với các trường Đại học có thương hiệu, cùng khối ngành và có trách nhiệm gắn bó lâu dài.

+ Xây dựng chương trình liên thông phù hợp cho SV được học tiếp để hoàn thiện chương trình bậc Đại học sau khi Bộ cho phép Trường mở các ngành đại học từ năm 2012.

+ Trong các chương trình liên kết, liên thông từ CĐCN lên Đại học, Trường nhanh chóng xây dựng đội ngũ GV có trình độ tương ứng tham gia giảng dạy 1/3 chương trình nhằm tạo điều kiện nâng cao đội ngũ và giảm chi phí cho người học.

+ Giai đoạn 2006-2011 quy mô đào tạo theo hình thức liên kết, liên thông luôn giữ số lượng từ 500 - 800 học viên/năm.

❖ *Quản lý đào tạo và đảm bảo chất lượng*

- Hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường đã ban hành Nghị quyết và các văn bản hướng dẫn, triển khai áp dụng linh hoạt Quy chế số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 bằng việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 64/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/11/2008 về việc ban hành quy định chế độ làm việc đối với GV.

- Từ năm học 2008 -2009 Trường chính thức chuyển phương thức từ đào tạo niên chế/học phần sang học chế tín chỉ áp dụng vào trường đặc thù VHNT, mở ra bước ngoặt đánh dấu sự hội nhập của Trường với hệ thống giáo dục Cao đẳng, Đại học Việt Nam, và gần hơn với giáo dục khu vực, thế giới. Một số mục tiêu đã được triển khai, cụ thể:

(1) CTĐT thiết kế, xây dựng lại đảm bảo tính mềm dẻo, giảm tối đa lý thuyết, tăng thời lượng giờ thực hành, gắn liền với kỹ năng nghề nghiệp của HSSV sau khi tốt nghiệp.

[1] Nguồn: Báo cáo Tổng kết năm học từ 2006 đến 2011.

(2) Công tác kiểm tra, đánh giá người học theo tiến trình. Các học phần lý thuyết lựa chọn 2 hình thức thi: tự luận hoặc bài tập lớn (theo nhóm); các học phần thực hành thi thực hành kỹ năng.

(3) Tích cực nghiên cứu, học tập kinh nghiệm một số trường Đại học có CTĐT tương đồng để triển khai xây dựng CTĐT theo lộ trình cụ thể. Giai đoạn 1 thực hiện 08 ngành: Việt Nam học, Quản lý Văn hóa, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thư viện học, Hội họa, Điêu khắc, Thiết kế Đồ họa....Giai đoạn 2 (từ 2010) là các ngành đặc thù: Thanh nhạc, Nhạc cụ, Thiết kế thời trang, Sân khấu, Điện ảnh... nhằm từng bước đảm bảo lộ trình xây dựng phát triển thành trường Đại học.

(4) Việc xây dựng và chuyển đổi CTĐT theo học chế tín chỉ Trường chú trọng đến vai trò của các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc thiết kế chương trình và quá trình đào tạo.

(5) CTĐT được triển khai theo định hướng ứng dụng. 70% CTĐT được vi chỉnh, một số ngành tiên phong thực hiện: Quản lý Văn hóa, Quản trị Văn phòng, Việt Nam học, Thông tin thư viện... Các học phần được biên soạn lại từ chương trình chi tiết đến đề cương bài giảng, học liệu... Đây là bước đi quan trọng được xem là nền tảng cho việc tổ chức đào tạo bám sát thực tiễn, đáp ứng nguyện vọng của người học và xã hội.

(6) Hoạt động khảo thí, đảm bảo chất lượng giáo dục được quan tâm, từng bước hoàn thiện, phát triển.Trường đã công bố chuẩn đầu ra các ngành trình độ cao đẳng hệ chính quy và cam kết với xã hội về chất lượng, sản phẩm đào tạo.

+ Tích cực

- Các hoạt động đào tạo được duy trì ổn định về số lượng và chất lượng;
- Xây dựng lộ trình chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ;
- Người học được trang bị kiến thức, kỹ năng sát thực tiễn nên có thể thích ứng ngay với thị trường lao động ngay sau khi tốt nghiệp.

+ Hạn chế

- Công tác quản lý đào tạo tín chỉ còn nhiều lúng túng; việc chuyển đổi đang trong lộ trình nên chưa mang tính toàn diện;
- Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và từ các tổ chức, các nhà tuyển dụng chưa được thường xuyên liên tục; việc tham khảo CTĐT tiên tiến trên thế giới để xây dựng CTĐT cho trường là chưa nhiều.

+ Nhu cầu đổi mới: Giai đoạn 2011-2020, Trường xác định việc quản lý các hoạt động đào tạo đại học chính quy là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa sống còn; đào tạo Sau Đại học là bước đột phá; Từng bước đổi mới phương pháp quản trị trường đại học. Tiếp tục đổi mới nội dung CTĐT theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học. Phấn đấu từng bước chuẩn hóa hệ thống đào tạo theo hướng kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT cũng như hệ thống kiểm định trong nước.

2.3.3.Về công tác Nghiên cứu khoa học

- Từ năm 2006 đến năm 2011, Trường đã thực hiện các hoạt động NCKH, cụ thể:

+ 04 đề tài cấp tỉnh về các lĩnh vực: Lễ hội truyền thống, Di sản văn hóa truyền thống, Dân ca Thanh Hóa, Phát triển sản phẩm văn hóa - du lịch.

+ Hàng năm có từ 5 đến 8 đề tài cấp cơ sở được thực hiện.

+ Đã xuất bản 4 cuốn sách chuyên khảo các lĩnh vực: Âm nhạc dân gian; Nghệ thuật chạm khắc đá; Nghệ thuật chạm khắc gỗ; Nghệ thuật bia ký.

+ Tập san TTKH xuất bản số đầu tiên vào năm 2005. Mỗi năm xuất bản 03 số, công bố các kết quả NCKH của CBGV trong và ngoài trường.

+ Nhiều CBGV đã công bố các kết quả nghiên cứu trên tạp chí chuyên ngành trong nước; hội nghị, hội thảo.

+ Tổ chức 04 Hội thảo khoa học cấp tỉnh; 10 hội thảo khoa học cấp trường.

+ Trên 200 tập bài giảng của các ngành học được biên soạn; nhiều học liệu môn học được GV xây dựng phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu.

+ Trường đã áp dụng kết quả NCKH của đề tài các cấp vào thực tiễn mang lại hiệu quả thiết thực. Nhiều đề tài NCKH cấp tỉnh sản phẩm được in thành các ấn phẩm, các chuyên khảo và trở thành tư liệu quan trọng phục vụ cho công tác học tập, nghiên cứu của CBGV, HSSV. Có một số tài liệu trở thành cẩm nang cho việc triển khai, tổ chức các hoạt động văn hóa xã, phường.

Đánh giá về thực trạng công tác NCKH:

+*Ưu điểm:* Công tác NCKH được Trường chú trọng và đã có những bước phát triển. Các đề tài đều hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Thông qua hoạt động NCKH, chất lượng đội ngũ CBGV được nâng cao, góp phần phát triển KTXH địa phương.

+ *Hạn chế:* Các đề tài NCKH liên ngành chưa nhiều; chưa có đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, đề tài liên kết với các đối tác trong nước; Số lượng đề tài, dự án hợp tác với doanh nghiệp hoặc các doanh nghiệp đặt hàng cho Trường nghiên cứu còn rất hạn chế. Một số đề tài cấp cơ sở chất lượng nghiên cứu, hàm lượng khoa học chưa cao, chưa ứng dụng kết quả vào thực tiễn; Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành chủ yếu tập trung một số lĩnh vực: Văn hóa, Du lịch, Giáo dục, các lĩnh vực đặc thù: Âm nhạc, Mỹ thuật, Sân khấu số lượng còn khiêm tốn. Hoạt động NCKH chủ yếu tập trung ở một số GV khối lý luận văn hóa, du lịch, xã hội, GV khối đặc thù chưa thực sự quan tâm tới hoạt động NCKH; Nguồn thu từ hoạt động NCKH thấp...

+ *Nhu cầu đổi mới:* Xây dựng các nhóm nghiên cứu phù hợp với các ngành đào tạo của trường, trong đó xây dựng được 2 - 3 nhóm nghiên cứu mạnh; Đầu tư các nguồn lực để xây dựng và thực hiện các chương trình và đề tài NCKH có tính liên ngành, liên trường, các cấp để phát huy tối đa nguồn lực NCKH của Trường. Khuyến khích các hoạt động NCKH gắn với ứng dụng thực tiễn và kết quả nghiên cứu được áp dụng hiệu quả. Điều chỉnh các cơ chế, chính sách khen thưởng trong NCKH đối với CBGV công bố bài viết trên tạp chí quốc tế uy tín, kỷ yếu hội thảo quốc tế. Xây dựng các cơ chế, giải pháp hợp tác về NCKH đối với các doanh nghiệp.

2.3.4.Về cơ sở vật chất kỹ thuật

- Cơ sở tại số 20, Nguyễn Du, phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, tổng có 18 phòng học lý thuyết, 20 phòng học thực hành, phòng học đặc thù, 02 phòng họp, phòng hội thảo, 01 nhà biểu diễn kiêm hội trường có sức chứa trên 300 chỗ ngồi, 01 trung tâm thực hành du lịch.

- UBND tỉnh đã cho phép trường triển khai xây dựng cơ sở mới tại số 561, Quang Trung, phường Đông Vệ. Để kịp thời triển khai xây dựng cơ sở mới, Trường đã huy động tối đa nguồn kinh phí: từ dự án tỉnh cấp đến kinh phí tự chủ, mục tiêu tạo được nhiều nguồn ngân sách hợp pháp để tăng cường cho xây dựng hạ tầng, cơ sở vật chất thiết bị thường xuyên.

Hệ thống hạ tầng được phân bố theo mục đích sử dụng (hoạt động sự nghiệp, phòng học), với phương châm hiệu quả, tiết kiệm.

Với sự phát triển của một trường đa ngành, đa lĩnh vực, đặc thù và số lượng HSSV tăng hàng năm, cơ sở vật chất hiện có mới đáp ứng đào tạo ở mức cơ bản. Đối với các ngành đặc thù: Âm nhạc; Du lịch; Mầm non; Mỹ thuật; Thiết kế thời trang;

Thể dục Thể thao... hiện chưa có khu thực hành đúng chuẩn. Cần tiếp tục xin các cơ quan, ban ngành trong tỉnh đầu tư.

Đánh giá về thực trạng cơ sở vật chất của trường:

+ *Tích cực:* CSVC Trường được đầu tư đáng kể, cơ bản được kiên cố hóa, đặc biệt, giảng đường, nhà hiệu bộ được trang bị các thiết bị tiên tiến, hiện đại, phục vụ tốt cho việc dạy - học.

+ *Hạn chế:* Cơ sở hiện nay tương đối chật hẹp so với quy mô của một trường đại học; Hệ thống trung tâm thư viện điện tử hiện đại phục vụ công tác giảng dạy, học tập, NCKH chưa đáp ứng kịp với yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trước mắt và lâu dài. CSVC kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện.

+ *Nhu cầu đổi mới:* Tiếp tục đầu tư hệ thống các phòng học, phòng thực hành; cải tạo nâng cấp hệ thống thông tin. Đầu tư CNTT vào công tác quản trị và công tác giảng dạy, học tập của Trường.

2.3.5.Về nguồn lực tài chính

- Tổng nguồn thu tài chính của Trường giai đoạn 2006-2011 tăng dần theo các năm, bình quân hàng năm đạt hơn 15 tỷ VND không kể kinh phí đầu tư XBCB, kinh phí hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu dự án quốc gia. Nguồn thu đến từ: ngân sách nhà nước cấp chiếm khoảng 75%. Các nguồn thu khác bao gồm: thu từ học phí, lệ phí, thu từ dịch vụ và thu khác chiếm 25% tổng nguồn thu.

- Các nguồn thu tài chính nêu trên được nhà trưởng sử dụng, phân bổ có hiệu quả cao, hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo đủ chế độ chính sách và con người, tăng cường về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ dạy học, NCKH.

Đánh giá về công tác tài chính:

+ Tích cực:

Các nguồn tài chính của trường được khai thác một cách hợp pháp, khoa học, được sử dụng đúng mục đích, được quản lý tập trung và được hạch toán vào các tài khoản theo đúng quy định của luật tài chính.

+ Hạn chế:

Trường chưa khai thác hết tiềm năng sẵn có nhất là trong các lĩnh vực NCKH; liên kết đào tạo; khai thác các lĩnh vực thiết kế thời trang, du lịch... giữa việc học đi đối với hành và kết nối với nhu cầu xã hội để trao đổi thông tin, tạo cơ hội cho người học, tăng nguồn thu, nâng cao năng lực NCKH đáp ứng nhu cầu xã hội.

Nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học cho đội ngũ cán bộ, giảng viên còn hạn hẹp. Cơ sở vật chất đang trong quá trình đầu tư của tỉnh nên còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

2.3.6.Về công tác quản lý - điều hành

Hiện tại, Trường có 06 phòng, ban; 08 khoa; 05 trung tâm.

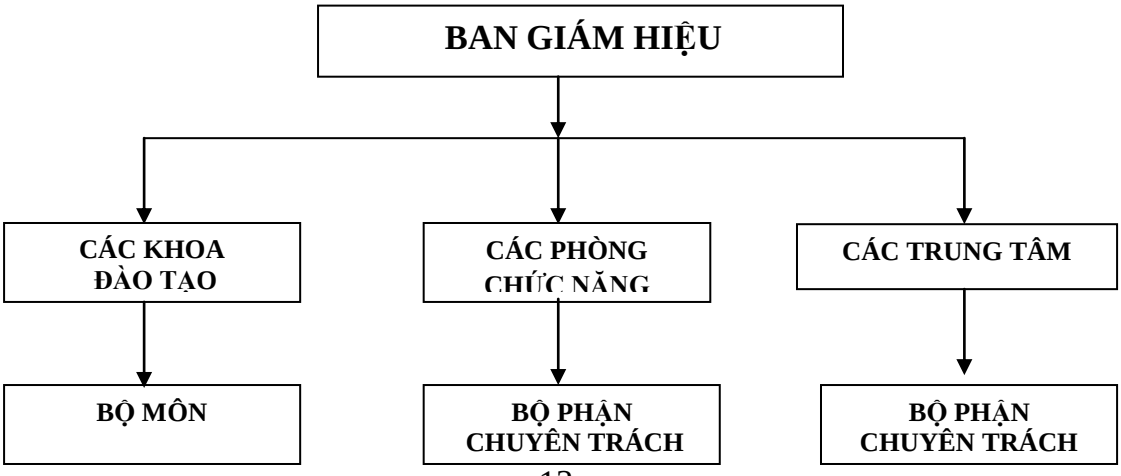

Đánh giá về công tác quản lý điều hành:

+ *Tích cực:* Mô hình tổ chức trường cơ bản vẫn đảm bảo hoạt động đồng bộ, thống nhất, có hiệu quả. Các quy định, quy trình quản lý được cụ thể hóa và thực hiện nghiêm túc. Đồng thời xây dựng lộ trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ, cơ sở vật chất toàn diện trước yêu cầu đổi mới của giáo dục đại học trong nước và quốc tế.

+ *Hạn chế:* Trường được nâng cấp từ trường Cao đẳng, nên phần lớn cán bộ quản lý không được đào tạo quản trị đại học bài bản, vừa làm vừa nghiên cứu các văn bản hướng dẫn và trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn. Ở một số khâu còn biểu hiện sự trì trệ, chậm đổi mới, đặc biệt trong ứng dụng KHCN vào quản trị đại học.

+ *Nhu cầu đổi mới:* Phân cấp, phân quyền phù hợp hơn cho các khoa, phòng, ban chức năng đảm bảo cơ chế thống nhất. Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành hiệu quả công tác quản lý toàn trường.

Phần 3
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025

3.1.Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi

3.1.1.Sứ mạng

Trường có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng các lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật, Thể thao, Du lịch; NCKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của xứ Thanh, khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ và cả nước.

3.1.2.Tầm nhìn

Đến năm 2025, Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa sẽ là cơ sở đào tạo và NCKH có uy tín của khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ; đào tạo các lĩnh vực nghệ thuật, du lịch nằm trong tốp đầu của cả nước.

3.1.3. Mục tiêu

Xây dựng Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa trở thành một cơ sở giáo dục đại học đa ngành theo định hướng ứng dụng, một trung tâm nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng phục vụ phát triển KTXH của tỉnh Thanh Hóa, khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ và cả nước.

3.1.4.Các giá trị cốt lõi

Chất lượng - Chuyên nghiệp - Sáng tạo - Nhân văn

3.1.5. Khẩu hiệu

Nuôi dưỡng đam mê, Khuyến khích sáng tạo, Tôn trọng khác biệt.

3.1.6. Triết lý giáo dục:

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực văn hóa – nghệ thuật, thể thao và du lịch có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức và kỹ năng thực hành để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ - Nam Sông Hồng và cả nước

3.1.7. Định hướng phát triển đến năm 2025

- Đào tạo nguồn nhân lực Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch có chất lượng cao vì lợi ích cộng đồng và xã hội. Nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện để có thể cạnh tranh với các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực trong cả nước; tiếp cận với các CTĐT hiện đại, tiên tiến của các trường đại học trong khu vực và trên thế giới.

- Tăng cường công tác NCKH; kết hợp hiệu quả giữa lý thuyết và thực hành; giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng; chủ động mở rộng các chương trình hợp tác liên kết trong đào tạo và NCKH trong nước và nước ngoài theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa để nâng cao thương hiệu, vị thế của Trường.

- Xây dựng đội ngũ giảng dạy, NCKH, quản lý đạt chuẩn về chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu để có đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng của Trường trong thời kỳ mới. Phấn đấu đến năm 2025, 100% CBGV Trường có trình độ trên đại học, trong đó có 25% tiến sĩ, 10% PGS,GS.

-Phấn đấu trở thành một trường đại học hiện đại, có đầy đủ cơ sở vật chất và các trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH, với hệ thống giảng đường và hệ thống các dịch vụ cung cấp cho người học có chất lượng cao.

3.2.Chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2020

3.2.1.Hoàn thiện bộ máy quản lý

❖ *Mục tiêu*

Điều chỉnh cơ cấu tổ chức Trường phù hợp với Điều lệ trường đại học theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và phù hợp với điều kiện cụ thể và dự báo phát triển của Trường đến năm 2020. Các chỉ tiêu cụ thể:

Nội dung thực hiện	***Dự kiện mốc thời gian triển khai***
1. Thành lập Hội đồng Trường	2013-2015
2. Tách phòng Quản lý Khoa học-Hợp tác quốc tế thành hai đơn vị độc lập: (1) Phòng Quản lý Khoa học, (2) Phòng Hợp tác quốc tế.	2013-2015
3. Tách phòng Thanh tra -Đảm bảo chất lượng giáo dục thành hai đơn vị độc lập: (1) Phòng Thanh tra, (2) Phòng Khảo thí đảm bảo chất lượng giáo dục.	2013-2015
4. Đổi tên khoa Nghiệp vụ Văn hóa thành khoa Văn hóa-Thông tin.	2014-2016
5. Chuyển Bộ môn Sân khấu về khoa Âm nhạc quản lý.	2016-2017
6. Thành lập một số đơn vị mới: -Khoa Quản lý Thể dục Thể thao -Khoa Giáo dục Mầm non -Khoa Luật - Quản lý Nhà nước -Phòng Đào tạo Sau Đại học -Trung tâm tư vấn tuyển sinh và giới thiệu việc làm -Trung tâm nghiên cứu phát triển văn hóa và nguồn nhân lực.	2013-2017
- Khoa Huấn luyện thể thao. - Trường Mầm non thực hành. - Bộ phận một cửa. - Trung tâm đào tạo năng khiếu. - Trung tâm Ứng dụng Mỹ thuật. - Trung tâm Tổ chức sự kiện (trên cơ sở nâng cấp Trung tâm thực hành Nhà hàng Khách sạn -Tổ chức sự kiện).	2015-2020

- Các đơn vị trong trường được xác định rõ chức năng, nhiệm vụ.

- Đến năm 2020, bộ máy tổ chức của trường:

+ Đảng bộ Trường: Ban thường vụ Đảng ủy; Ban chấp hành Đảng bộ; Các chi bộ trực thuộc;

+ Các đoàn thể và tổ chức xã hội: Công đoàn trường; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội sinh viên; Hội khuyến học;

+ Ban Giám hiệu: Hiệu trưởng: 01 người; Phó Hiệu trưởng: 03 người;

+ Hội đồng khoa học và đào tạo: từ 20-25 thành viên;

+ Các Hội đồng tư vấn;

+ 12 phòng, ban: Phòng Quản lý Đào tạo; Đào tạo Sau đại học; Quản lý khoa học; Hợp tác Quốc tế; Hành chính Tổng hợp; Chính trị công tác HSSV; Quản trị cơ sở vật chất; Thanh tra; Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục; Tổ chức cán bộ; Kế hoạch - Tài chính; Ban Xây dựng;

+ 10 khoa: Khoa Âm nhạc; Mỹ thuật; Sư phạm Nghệ thuật; Văn hóa - Thông tin; Du lịch; Giáo dục đại cương & Ngôn ngữ Anh; Quản lý Thể dục Thể thao; Luật & Quản lý Nhà nước; Giáo dục Mầm non, Huấn luyện thể thao,

+ 07 trung tâm: Trung tâm Giáo dục thường xuyên & Liên kết; Tư vấn tuyển sinh & Giới thiệu việc làm; Tổ chức sự kiện; Ứng dụng Mỹ thuật; Nghiên cứu phát triển văn hóa và nguồn lực; Thông tin thư viện; Đào tạo năng khiếu Thể thao.

+ 01 Trường Mầm non thực hành.

❖ *Giải pháp*

-Duy trì, liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành hoạt động đào tạo đảm bảo chất lượng, hướng mục tiêu chất lượng được nâng lên hàng năm.

-Nâng cao năng lực kế hoạch hóa, tổ chức, điều hành, kiểm tra, đánh giá bộ máy quản lý và từng cá nhân; xây dựng quy trình làm việc, phân cấp quản lý rõ ràng, trách nhiệm, quyền hạn; định biên lao động khoa học. Tin học hóa các khâu trong tổ chức, quản lý tất cả các mặt hoạt động của Trường. Tăng cường tính chuyên nghiệp của đội ngũ CBGV; nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành chính sách và quy định bổ sung của Trường để khuyến khích giảng viên tập trung trí tuệ, tâm huyết vào giảng dạy, NCKH và nâng cao trình độ chuyên môn.

3.2.2.Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng đội ngũ GV đảm bảo tỷ lệ quy đổi GV/SV đạt 1/18-1/14, cơ cấu hợp lý theo các ngành và chuyên ngành đáp ứng yêu cầu phát triển đào tạo và NCKH.

- Phấn đấu đến năm 2020, 100% GV có trình độ sau đại học. Trong đó: 20%, tiến sĩ, 2-5% GS, PGS trở lên; 100% GV và cán bộ quản lý có khả năng ứng dụng CNTT trong công tác chuyên môn; 15% GV sử dụng thành thạo ngoại ngữ (tiếng Anh), có thể giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh; 40% GV có công trình đăng tải thường xuyên hàng năm trên các tạp chí chuyên ngành; 10% GV là trình độ tiến sĩ có khả năng thực hiện các chương trình HTQT và NCKH và có công trình, bài báo đăng trên các tạp chí có uy tín khoa học trong nước và một số tạp chí quốc tế.

- Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên		Giảng viên thỉnh giảng trong nước		Giảng viên quốc tế	
		2011	2020	2011	2020	2011	2020
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	04	0	02

2	Phó Giáo sư	2	5	1	15	6	12
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	10	65	7	9	3	8
5	Thạc sĩ	57	180	2	0	3	6
6	Đại học	51	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	**161**	**250**	**10**	**28**	**12**	**28**

❖ *Giải pháp*

1.Xây dựng quy hoạch, kế hoạch thực hiện mục tiêu cho từng giai đoạn.

2.Hoàn thiện cơ chế quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực hiện có. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý theo hướng phân công, phân cấp rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của cá nhân và tập thể.

3.Xây dựng và hoàn thiện một số quy định về tiêu chuẩn tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, sàng lọc đội ngũ cán bộ quản lý và GV. Thực hiện chính sách thu hút nhân tài, ưu tiên tuyển dụng người có trình độ cao, có học hàm, học vị từ nhiều nguồn để bổ sung cho đội ngũ giảng dạy và cán bộ quản lý, đặc biệt các ngành học mới mở.

4.Xây dựng chế độ đãi ngộ, thù lao theo năng lực và kết quả công việc nhằm nâng cao thu nhập và động viên đội ngũ CBGV và nhân viên tận tâm với nhiệm vụ được giao.

5.Xây dựng kế hoạch, phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của GV.

3.2.3.Chiến lược phát triển đào tạo

❖ *Mục tiêu*

-Xây dựng CTĐT theo hướng hiện đại, tiên tiến. Phấn đấu đến năm 2020 có 01 CTĐT có thể liên thông với các trường đại học cùng khối trong khu vực Đông Nam Á.

-Đa dạng hóa các loại hình đào tạo: Chính quy; Vừa làm vừa học; Liên thông; Liên kết; Văn bằng 2... Nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển KTXH. Đến năm 2020 cơ bản thực hiện đào tạo đồng bộ theo hệ thống tín chỉ.

-Triển khai mở rộng mạng lưới đối tác trong nước về liên kết đào tạo các lĩnh vực nhà trường có thế mạnh. Trước mắt tập trung các đối tác tại khu vực phía Nam. Phấn đấu đến năm 2015 có 05 đối tác; 2020 có 10 đối tác trên toàn quốc.

-Xây dựng hồ sơ xin Bộ GD&ĐT cấp phép mở các ngành đại học, thạc sĩ theo chức năng, nhiệm vụ, thế mạnh của Trường và những ngành học xã hội đang có nhu cầu, cụ thể:

Danh mục các ngành/chuyên ngành đào tạo	**Dự kiến mốc thời gian thực hiện**
A-Đại học chính quy	
Quản lý Văn hóa Việt Nam học Sư phạm Âm nhạc Sư phạm Mỹ thuật Hội họa	2012-2014
Thanh nhạc	2013-2015

Quản lý thể dục thể thao Thông tin học Quản trị khách sạn . Đồ họa . Thiết kế thời trang . Ngôn ngữ Anh	
. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành . Quản lý nhà nước . Công tác xã hội . Giáo dục mầm non	2014-2016
. Luật	2015-2018
. Giáo dục thể chất	2020
B-Thạc sĩ	
Quản lý văn hóa	2015-2017
Quản lý công	2020
C-Tiến sĩ	
Quản lý Văn hóa	2020-2025

-Mở rộng đào tạo nghề đối với ngành nghề thuộc thế mạnh Trường:

+ Các nghề lĩnh vực du lịch: Nghiệp vụ Hướng dẫn du lịch; Nghiệp vụ Nhà hàng; Quản lý khách sạn nhỏ; Quản lý khách sạn lớn; Pha chế đồ uống; Kỹ thuật bàn ăn Âu/Á; Kỹ thuật chế biến món ăn Âu/Á.

+ Các lĩnh vực khác: Tổ chức sự kiện, Nghiệp vụ Quản lý Nhà nước, Nghiệp vụ Công tác xã hội, Kỹ thuật Nhiếp ảnh, Thiết kế Quảng cáo.

- Triển khai nghiên cứu, khảo sát quy hoạch phát triển KTXH của Thanh Hóa và khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ để đưa ra dự báo về nhu cầu từng ngành đào tạo lĩnh vực Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch trường có thế mạnh để làm cơ sở điều chỉnh quy mô, ngành nghề đào tạo tại trường.

- Lựa chọn ngành đào tạo có thế mạnh, tạo dựng thương hiệu Trường: (1)Thanh nhạc; (2)Quản lý văn hóa; (3)Quản trị khách sạn; (4)Thiết kế đồ họa.

- Lựa chọn ngành hợp tác quốc tế: (1)Thanh nhạc; (2) Quản trị khách sạn.

-Đến năm 2020, SV khi tốt nghiệp có kiến thức và khả năng lao động sáng tạo, tư duy độc lập, đủ năng lực giải quyết vấn đề, khả năng thích ứng với những biến động, trình độ tiếng Anh cơ bản có thể sử dụng trong học tập và làm việc sau khi tốt nghiệp, 70% SV tốt nghiệp được các doanh nghiệp, các cơ sở sử dụng lao động đánh giá đáp ứng được các yêu cầu công việc.

- Dự kiến quy mô đào tạo của Trường đến năm 2020 như sau:

Hệ/trình độ đào tạo	**Năm 2011**	**Năm 2012**	**Năm 2013**	**Năm 2014**	**Năm 2015**	**Năm 2016**	**Năm 2017**	**Năm 2018**	**Năm 2019**	**Năm 2020**
Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15
Thạc sĩ	0	0	0	0	0	40	40	45	50	60
Đại học, Cao đẳng	2.000	2.500	2.700	3.000	3.200	3.400	3.600	3.800	4.000	4.200
-Chính quy	*1.600*	*2.000*	*2.100*	*2.300*	*2.400*	*2.600*	*2.800*	*2.900*	*3.000*	*3.200*
-Vừa làm,	*400*	*500*	*600*	*700*	*800*	*800*	*800*	*900*	*1.000*	*1.000*

vừa học										

❖ *Giải pháp*

1. Hoàn thiện nội dung, CTĐT theo hệ thống tín chỉ, từng bước thực hiện mục tiêu "*chuẩn hóa, hiện đại hóa".* Tiếp cận, tham khảo, áp dụng chương trình tiên tiến của các cơ sở đào tạo trong nước, khu vực và trên thế giới đã có kinh nghiệm trong công tác đào tạo cùng chuyên ngành, tạo điều kiện cho SV có thể học liên thông, liên kết. Chú trọng đào tạo trình độ ngoại ngữ cho SV, tiến tới dạy bằng tiếng nước ngoài ở một số học phần/ngành.

2. Ứng dụng CNTT xây dựng hệ thống học liệu mở, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ cho xã hội.

3. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại hóa, tăng cường tính chủ động của người học; ứng dụng CNTT trong dạy - học, giảm giờ trên lớp, tăng giờ tự học, tự nghiên cứu, thực hành. Từng bước tiếp cận với phương pháp đào tạo hiện đại.

4. Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá.Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm đánh giá đúng kết quả học tập của SV.

5. Cải tiến đồng bộ quy trình đào tạo. Ứng dụng CNTT trong quản lý đào tạo, đáp ứng yêu cầu người học. Phấn đấu đạt các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT; công khai năng lực đào tạo, chất lượng đào tạo.

6. Xây dựng quy trình quản lý SV thống nhất (nhập học, quá trình đào tạo, tốt nghiệp, cựu SV).

7. Điều tra xã hội học đối với người học, khảo sát SV sau khi tốt nghiệp, gắn nhiệm vụ đào tạo đối với nhu cầu xã hội góp phần định hướng chiến lược, phát triển các ngành nghề đào tạo phù hợp; tham khảo ý kiến của các cơ sở đào tạo, nhà tuyển dụng về CTĐT, chất lượng đào tạo để có kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội.

8. Đổi mới trang thông tin điện tử của Trường, thường xuyên cập nhật thông tin đào tạo, tuyển sinh, chú trọng quảng bá thương hiệu góp phần thu hút SV trong nước và một số nước trong khu vực lựa chọn Trường học tập.

9. Thiết lập các mối quan hệ, liên kết giữa Trường và các cơ sở giáo dục trong nước, khu vực và các doanh nghiệp trong đào tạo. Tập trung khảo sát các cơ sở giáo dục tương đồng về lĩnh vực đào tạo; thực hiện quy trình xin phép Bộ GD&ĐT liên kết đào tạo một số chuyên ngành: Sư phạm âm nhạc, Sư phạm mỹ thuật, Quản lý văn hóa...

3.2.4.Chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học

❖ *Mục tiêu*

- NCKH chuyên sâu về các chuyên ngành đào tạo của Trường.
- Chất lượng đề tài đảm bảo theo quy định; ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn hiệu quả.
- Đảm bảo chất lượng của các hội nghị khoa học, các hội thảo, đặc biệt hội thảo chuyên ngành hẹp (quốc gia và quốc tế).
- Khai thác khả năng liên kết quốc tế về đào tạo, NCKH với các trường trong khu vực Đông Nam Á và quốc tế. Thu hút các nguồn vốn đầu tư, tài trợ về học bổng, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất.
- Tổ chức các chương trình biểu diễn, triển lãm mỹ thuật, giao lưu với các đối tác trong nước và nước ngoài.
- Một số chỉ tiêu về NCKH cụ thể:

+ Phấn đấu 100% GV tham gia NCKH; 70% GV hàng năm có ít nhất 1 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc báo cáo trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế và phấn đấu đăng bài tạp chí quốc tế.

+ Phấn đấu đăng ký 4-6 đề tài cấp Tỉnh và Bộ/năm.

+ Mỗi năm thực hiện mới từ 1-2 đề tài, dự án nghiên cứu hợp tác cùng nghiên cứu với các doanh nghiệp, trường đại học trong nước và nước ngoài.

+ Nâng cấp Tạp san TTKH lên Tạp chí khoa học chuyên ngành có chỉ số ISSN, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước.

+ Mỗi năm công bố từ 1-3 sách chuyên khảo từ sản phẩm NCKH của đề tài NCKH; tổ chức từ 1-2 hội thảo, hội nghị khoa học quốc gia/quốc tế; nhiều siminar khoa học cấp khoa.

+ Nâng cao năng lực NCKH cho đội ngũ CBGV; Xây dựng được các nhóm nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực thuộc thế mạnh, đủ khả năng đề xuất, tư vấn, phản biện và giải quyết các nhiệm vụ khoa học trọng điểm của Trường, Tỉnh, Bộ, Nhà nước, địa phương đặt ra.

+ Tăng số lượng, chất lượng NCKH của SV từ 20 đến 30 đề tài/năm.

+ Mỗi năm có từ 10-12% SV tham gia các hoạt động NCKH.

- Tăng đầu tư cho hoạt động NCKH hàng năm. Trường dành tối thiểu 5% kinh phí từ nguồn thu hợp pháp của Trường để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động NCKH; dành tối thiểu 3% nguồn thu học phí để cho SV và người học hoạt động NCKH; tăng nguồn thu từ hoạt động NCKH lên 5%/ năm.

❖ *Giải pháp*

1.Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quản lý hoạt động NCKH theo hướng tạo cơ sở để công tác quản lý hoạt động NCKH đi vào nề nếp, hiệu quả, chất lượng, đúng định hướng và khuyến khích phát huy tiềm lực NCKH của Trường. Đổi mới phương thức giao nhiệm vụ theo hướng các đơn vị, cá nhân CBGV chủ động đề xuất các chương trình, nhiệm vụ NCKH các cấp; ưu tiên tuyển chọn, giao các nhiệm vụ NCKH trọng điểm cho các nhóm nghiên cứu mạnh, đáp ứng tốt yêu cầu về sản phẩm đầu ra.

2.Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về KHCN để CBGV, SV trong Trường nhận thức sâu sắc vai trò của KHCN đối với nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển KTXH cũng như nâng cao uy tín, vị thế của Trường trong nước và khu vực.

3.Hình thành các nhóm NCKH chuyên sâu, mỗi khoa hình thành ít nhất được một nhóm nghiên cứu mạnh, có uy tín học thuật, có đủ khả năng tư vấn, phản biện, phát hiện và giải quyết các vấn đề trọng yếu mà khoa học và thực tiễn phát triển KTXH của Tỉnh và địa phương đặt ra.

4.Nâng cao chất lượng làm việc và hiệu quả công tác của Hội đồng khoa học và đào tạo.

5.Đánh giá kết quả NCKH các đề tài, dự án khoa học căn cứ trên sản phẩm đầu ra và địa chỉ ứng dụng; đánh giá kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực nghệ thuật đặc thù thông qua các sáng tạo nghệ thuật được công bố.

6.Thiết lập các mối quan hệ, liên kết giữa Trường và các trường đại học trong nước, khu vực và các doanh nghiệp trong NCKH. Đẩy mạnh hoạt động NCKH trong SV, gắn NCKH của GV với việc kết hợp hướng dẫn SV NCKH, xây dựng mô hình gắn kết giữa đào tạo - NCKH - ứng dụng kết quả NCKH.

7.Khuyến khích, tạo điều kiện, cơ hội thuận lợi cho CBGV được đăng ký tham gia các đề tài trọng điểm; chủ động tham gia tuyển chọn đề tài NCKH các cấp (cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh), tham gia giải quyết những vấn đề khoa học nảy sinh trong quá trình phát triển KTXH của địa phương và đất nước. Tập trung xây dựng các đề tài có hàm lượng NCKH cao phục vụ cho đời sống thực tiễn và công tác đào tạo của Trường.

8.Mở rộng mạng lưới thông tin khoa học, cơ sở dữ liệu của thư viện, xuất bản tạp chí, kỷ yếu chuyên ngành, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, giới thiệu các thành tựu NCKH của CBGV Trường.

9.Đẩy mạnh và huy động các nguồn lực từ hoạt động xã hội hóa công tác NCKH của Trường.

3.2.5.Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế

❖ *Mục tiêu*

- Mở rộng mạng lưới các đối tác và phát triển quan hệ hợp tác trong và ngoài nước đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao phục vụ công tác đào tạo và NCKH; Tiếp cận các chuẩn giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới nhằm áp dụng, sáng tạo phù hợp nhu cầu đào tạo tại Việt Nam. HTQT trên tinh thần bình đẳng, nâng cao năng lực và đem lại nguồn thu cho Trường.

-Tập trung mở rộng các đối tác, trước hết ưu tiên các đối tác tại khu vực Châu Á (giai đoạn 2011-2015); các đối tác tại khu vực Châu Âu (giai đoạn 2015-2020)

- Các chỉ tiêu cụ thể:

+ Triển khai xúc tiến khai thác các mối quan hệ có hiệu quả;

+ Triển khai từng bước có lựa chọn, đảm bảo khả thi và hiệu quả cao;

+ Khai thác triệt để đội ngũ GV và chuyên gia tình nguyện;

+ Mở các lớp đào tạo ngôn ngữ ngắn hạn và bậc cử nhân (tiếng Anh, tiếng Việt).

+ Xây dựng chương trình hợp tác với ít nhất 10 cơ sở đào tạo trong khu vực và thế giới.

+ Có sự phối hợp nghiên cứu và đào tạo với 2 cơ sở đào tạo ngoài nước

+ Triển khai đào tạo cho SV quốc tế tại Trường và gửi SV của Trường đi học theo mô hình 1 + 3; 1 + 2.

+ Thành lập các nhóm nghiên cứu quốc tế để thực hiện các đề tài khoa học;

+ Cử 5-10 GV đi đào tạo nâng cao trình độ tại nước ngoài cho các ngành học của trường mang tính liên thông quốc tế cao.

❖ *Giải pháp*

1. Ký kết và triển khai thực hiện các văn bản hợp tác với các trường đại học, các tổ chức quốc tế, nâng cao chất lượng HTQT ở tất cả các khâu, các mặt nhằm tranh thủ sự hỗ trợ tối đa của các tổ chức, cơ quan nước ngoài để phát triển sự nghiệp đào tạo và NCKH của trường;

2. Tăng cường quảng bá, xúc tiến triển khai các hoạt động đào tạo hướng tới nước ngoài;

3. Chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao để thực hiện HTQT trong điều kiện hợp tác các bên cùng có lợi vì phát triển trong điều kiện đa phương hóa hiện nay;

4.Tích cực tạo nguồn tài chính để tăng khả năng mở rộng HTQT; mặt khác cần chủ động tìm và tạo nguồn hỗ trợ cho HTQT từ các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội trong và ngoài nước;

5.Tăng cường cử CBGV quản lý ra nước ngoài học tập, giảng dạy và nghiên cứu; đồng thời mở rộng việc nhận chuyên gia các nước đến trường để giảng dạy và nghiên cứu nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ GV của trường có cơ hội tiếp cận và hòa nhập trình độ của khu vực và thế giới. Khai thác triệt để các quan hệ HTQT nhằm mở rộng hình thức "du học tại chỗ" cho CBGV và SV;

6. Gắn các CTĐT, NCKH với hoạt động HTQT: Xây dựng các chương trình hợp tác NCKH trong một số lĩnh vực đặc thù phù hợp sở trường của Trường và được nhiều nơi quan tâm như: sưu tầm, lưu giữ và khai thác giá trị DSVH, các phong tục tập quán, truyền thống, lối sống của các dân tộc tiêu biểu Bắc Trung Bộ, Thanh Hóa....

7.Thường xuyên tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế, đẩy mạnh các chương trình giao lưu trao đổi học thuật, trao đổi SV nhằm mở rộng quan hệ, tìm kiếm đối tác hướng tới việc tạo ra một mạng lưới liên kết mở rộng, quảng bá hình ảnh Trường một cách rộng rãi.

8. Có chính sách mời các Giáo sư nước ngoài về giảng dạy tại trường;

9. Đào tạo ngôn ngữ ngắn hạn và bậc cử nhân đối với một số ngôn ngữ mà trường có lợi thế như tiếng Anh, tiếng Việt…;

10.Thực hiện mô hình 1 + 3, 1+ 2, gửi SV đi học tại trường đối tác ở nước ngoài, hoặc nhận SV của trường đối tác sang học chuyên ngành tại trường;

11.Nhận SV nước ngoài sang học tại trường lấy bằng cử nhân, thạc sĩ;

12.Thu hút SV nước ngoài sang học tập tại Trường theo các hệ và các ngành mà Trường đang đào tạo, trong đó chú trọng các ngành: Tiếng Việt; Quản lý Văn hóa; Việt Nam học; Công tác xã hội; Quản lý Nhà nước..., các ngành đào tạo khác của Trường mà SV nước ngoài có nhu cầu;

13. Hình thành 3 - 5 nhóm nghiên cứu quốc tế để cùng nghiên cứu các đề tài khoa học, tổ chức các cuộc hội thảo khoa học.

3.2.6.Chiến lược phát triển về tài chính, cơ sở vật chất.

+ Về tài chính

Mục tiêu

- Đảm bảo nguồn tài chính cho mọi hoạt động của nhà trường. Từng bước đạt được sự tự chủ về tài chính. Tăng mức thu nhập tăng thêm cho cán bộ viên chức .

- Xây dựng và phát triển cơ sở vật chất để tạo môi trường làm việc, học tập và NCKH thuận lợi, hiệu quả đạt chuẩn.

- Phấn đấu một chỉ tiêu về nguồn thu tài chính trong 03 giai đoạn 2011- 2015, 2016 - 2020 và 2021 - 2025 như sau:

TT	Năm	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025
I	**Nguồn kinh phí thường xuyên.**	**30.000.000.000**	**46.000.000.000**	**58.000.000.000**
1	Nguồn thu NSNN cấp	23.000.000.000	28.000.000.000	32.000.000.000
2	Nguồn thu sự nghiệp (phí, lệ phí...)	5.500.000.000	15.000.000.000	22.000.000.000
3	Nguồn thu khác	1.500.000.000	3.000.000.000	4.000.000.000
II	**Nguồn kinh phí không thường xuyên.**	**4.700.000.000**	**7.500.000.000**	**8.500.000.000**
1	Nguồn kinh phí các loại dự dự án.	4.000.000.000	5.500.000.000	6.000.000.000
2	Nguồn kinh phí đề tài khoa học	700.000.000	2.000.000.000	2.500.000.000
Tổng cộng		**34.700.000.00**	**53.500.000.00**	**66.500.000.000**

- Điều chỉnh quy hoạch không gian các phòng, ban, đơn vị thuộc trường;

- Cải tạo, sửa chữa các phòng làm việc cho đơn vị mới thành lập; nâng cấp, trang bị hệ thống trang thiết bị phục vụ công việc và quản lý;

- Quy hoạch lại các phòng thực hành theo hướng tập trung trang thiết bị, đổi mới cơ chế quản lý nhằm phát huy hiệu quả cao nhất, xây dựng một số phòng thực hành chuyên ngành mũi nhọn đạt chuẩn quốc gia;

- Đầu tư thiết bị giảng dạy, nghiên cứu, học tập cho các giảng đường, phòng thực hành, phòng chức năng;

- Xây dựng giai đoạn 1 cơ sở chính nhà trường tại 561 Quang Trung theo dự án đầu tư của Tỉnh cho trường đại học. Sau khi hoàn thành giai đoạn 1, lập hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền thẩm định tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 cho toàn hiện về cơ sở hạ tầng

của trường đại học.

- Từng bước cải tạo, sửa chữa cơ sở 2 thành trường mầm non thực hành.

- Cải tạo, sắp xếp và sử dụng cơ sở hạ tầng, vật chất Trường Cao đẳng Thể dục Thể thao có hiệu quả sau khi Tỉnh có đề án cho sát nhập vào Nhà trường giai đoạn 2015-2020

- Theo từng giai đoạn thực hiện duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp cơ sở vật chất của nhà trường phù hợp với yêu cầu đào tạo.

Giải pháp

+ Về tài chính:

1. Lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và chi tiết thực hiện của từng giai đoạn.

2. Khai thác tiềm năng sẵn có của trường, các nguồn tài trợ và hoạt động dịch vụ để tăng nguồn thu; Tận dụng tối đa các nguồn thu từ ngân sách, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho Trường.

3. Có chính sách thích hợp với cá nhân, tổ chức đoàn thể để đẩy mạnh các nguồn thu từ các đơn vị trong và ngoài trường.

4. Mở thêm các ngành đại học, cao học về lĩnh vực Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch, các ngành được đào tạo phù hợp có sức thu hút SV, hợp với xu hướng phát triển, đáp ứng ngày nguồn nhân lực cho xã hội .

5. Triển khai mở rộng các loại hình đào tạo liên thông, liên kết, đào tạo các loại hình bồi dưỡng ngắn, đào tạo cấp chứng chỉ nhằm tạo nguồn thu hợp pháp cho trường.

6. Mở rộng liên kết đào tạo với các trường đại học trong nước và nước ngoài; thu hút lưu học sinh Lào, Campuchia, Thái Lan…

7. Với nguồn thu khác: hướng tới việc tự chủ về tài chính, có thể xây dựng quy định mức thu phù hợp cho các CTĐT.

8. Có chính sách nhằm đảm bảo nguồn thu nhập để thu hút nhân tài và khuyến khích cán bộ viên chức toàn tâm, toàn ý góp sức xây dựng nhà trường.

9. Đầu tư nhân lực, vật lực, hoàn thành việc triển khai xây dựng nhà trường giai đoạn 1 và 2; hoàn thành việc đầu tư thiết bị cơ sở vật chất cho nhà trường.

10. Thực hiện khoán chi đến từng đơn vị phòng, ban, có các biện pháp tiết kiệm các khoản chi, đặc biệt tiết kiệm chi hành chính.

11. Thực hiện nghiêm túc quy chế công khai tài chính để cán bộ, viên chức biết để tham gia kiểm tra, giám sát, có cơ chế linh hoạt trong thu, chi.

+ Về cơ sở vật chất

1.Khai thác triệt để cơ sở vật chất hiện có, trên cơ sở đó có kế hoạch đầu tư nâng cấp, cải tạo phương tiện kỹ thuật phục vụ quản lý, giảng dạy, NCKH, học tập; cải thiện điều kiện làm việc và sinh hoạt cho CBGV.

2.Đầu tư cơ sở vật chất cần quan tâm đến hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và hiệu quả đầu tư.

3.Xây dựng hệ thống thư viện điện tử hiện đại với nguồn tin phong phú; liên thông với hệ thống thư viện điện tử các trường đại học trong nước, thư viện quốc gia.

4.Tăng cường quản lý cơ sở vật chất. Kiểm tra, đánh giá tài sản đang sử dụng, bổ sung thiết bị dạy học phù hợp với các ngành chuyên sâu. Cải tạo 1-2 phòng có trang thiết bị điện tử hiện đại, điều hòa sử dụng cho các lớp Cao học và NCS.

5.Lập dự toán đầu tư giai đoạn 2 trên cơ sở đảm bảo mô hình, tiêu chuẩn cho các hoạt động quản lý, nghiệp vụ chuyên môn Trường và triển khai xây dựng đảm bảo tiến độ, hiệu quả sử dụng.

6.Xây dựng phương án sử dụng cơ sở vật chất, hạ tầng của Trường Cao đẳng

Thể dục Thể thao sau khi Tỉnh cho phép sát nhập.

3.2.7. Chiến lược về phát triển dịch vụ và hỗ trợ sinh viên

1. Thu hút thí sinh đăng ký vào Trường đảm bảo quy mô tuyển sinh hàng năm.

2. Nâng cao chất lượng của sinh viên trong học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học và hoạt động tập thể để sinh viên phát triển phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ, đáp ứng tốt yêu cầu của các đơn vị tuyển dụng.

3. Nâng cao chất lượng hỗ trợ và dịch vụ sinh viên, kết nói và phục vụ cộng đồng. Sinh viên ra trường có việc làm.

3.2.8.Các chương trình, đề án trọng tâm

Để thực hiện được mục tiêu chiến lược đã đề ra, ngoài các nhiệm vụ có tính thường xuyên, nghiệp vụ về đào tạo và NCKH, Trường sẽ cân đối ngân sách để thực hiện một số nhiệm vụ có tính trọng tâm. Giai đoạn 2011-2020 cần xây dựng và triển khai thực hiện các dự án, đề án:

-Dự án đào tạo ngoại ngữ cho lao động ngành du lịch Thanh Hóa.

-Dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa, thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

-Đề án xây dựng trung tâm ngoại ngữ-tin học.

-Đề án hiện đại hóa Thư viện.

-Đề án xác định việc làm.

Phần 4
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ, Ban Giám hiệu chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược phát triển, kịp thời có các quyết sách để đảm bảo chiến lược thực hiện thành công.

2.Từ các mục tiêu của Chiến lược phát triển, Trường xây dựng 02 kế hoạch trung hạn: Giai đoạn 2011-2015; 2015-2020. Hàng năm các đơn vị trong Trường xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, phổ biến đến mọi CBGV trong đơn vị nâng cao nhận thức và có trách nhiệm thực hiện kế hoạch đảm bảo các mục tiêu đề ra.

3. Phân cấp quản lý, đẩy mạnh vai trò tự chịu trách nhiệm của trưởng các đơn vị trong Trường.

4. Ban hành điều chỉnh, bổ sung các văn bản: quy chế, quy định, quy trình quản lý và các văn bản hướng dẫn thực hiện chi tiết đảm bảo tính khoa học, kịp thời, phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra.

5. Thanh tra, kiểm tra định kỳ, thường xuyên, giám sát thực hiện chiến lược phát triển Trường một cách hiệu quả.

6. Hàng năm tổ chức các hội nghị theo từng chủ đề, chuyên đề hoặc lĩnh vực để đánh giá hiện trạng, hiệu quả thực hiện mục tiêu, đồng thời bổ sung, điều chỉnh kịp thời các mục tiêu cho phù hợp với sự phát triển thực tế, trên cơ sở đó điều chỉnh các giải pháp đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển đã đề ra./.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

NGƯT.TS Lê Văn Tạo